

Số: /2025/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-BTTTT ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ công thuộc lĩnh vực thông tin, tuyên truyền đối với hạng mục truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Phòng Giao dịch Số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Thủ

trường các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

QUY ĐỊNH

Tiêu chí chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số...../2025/QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định tiêu chí chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Các nội dung khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình không điều chỉnh tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng tuyên truyền để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động thông tin, tuyên truyền của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
- Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phát thanh và truyền hình.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình là mức độ sản phẩm dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí chất lượng theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan đặt hàng, kết hợp với mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ.
- Tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình là các nội dung, yêu cầu mà bên cung cấp dịch vụ phải đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thực hiện nhiệm vụ.

3. Kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình là tính hợp quy tiêu chuẩn kỹ thuật và lưu trữ, đảm bảo đáp ứng các tiêu chí ban hành kèm theo Quy định này.

4. Nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình là quá trình kiểm tra, đánh giá chất lượng cuối cùng các chương trình đặt hàng đảm bảo đúng tiêu chí chất lượng.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình

1. Tiêu chí về nội dung sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình

a) 06 tiêu chí yêu cầu chung về sản phẩm, gồm: Chủ đề, nội dung, thể loại, ngôn ngữ, số lượng, thời lượng.

b) 04 tiêu chí về phát sóng, gồm: Khung giờ, tần suất phát sóng, kênh chương trình được phát sóng; trên dịch vụ phát thanh, truyền hình IPTV hoặc OTT đối với trường hợp yêu cầu cung cấp chương trình theo yêu cầu (VOD).

c) 02 tiêu chí về địa bàn phát sóng và đối tượng phục vụ chủ yếu.

d) 01 tiêu chí về phát hành sản phẩm đối với sản phẩm thông tin đối ngoại, căn cứ mục tiêu để lựa chọn cách thức phát hành phù hợp.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
1	Chủ đề tuyên truyền	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị; - Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng; - Thông tin tuyên truyền phục vụ tuyên truyền đối ngoại; - Thông tin tuyên truyền phục vụ thiếu niên, nhi đồng,

				người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2	Nội dung tuyên truyền	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
3	Thể loại chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Phù hợp với thể loại chương trình được quy định tại định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình, chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành.
4	Ngôn ngữ thể hiện	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
5	Số lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
6	Thời lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
7	Khung giờ/thời điểm phát sóng trong ngày	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình.
8	Tần suất phát sóng (phát mới, phát lại - nếu có)	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình.
9	Kênh chương trình phát thanh/ truyền hình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. 	- Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát

		của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> sóng trên kênh chương trình. - Trên sản phẩm có hiển thị logo kênh chương trình.
10	Dịch vụ phát thanh, truyền hình theo yêu cầu (VOD)	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Áp dụng đối với trường hợp sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình IPTV hoặc dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng internet (OTT TV) theo yêu cầu đặt hàng.
11	Đối tượng phục vụ chủ yếu	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Chỉ áp dụng tiêu chí này đối với đối tượng đặc thù là thiếu nhi, đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, cộng đồng quốc tế (Chính phủ, nhân dân và các tổ chức quốc tế,...).
12	Địa bàn phát sóng	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Chỉ áp dụng tiêu chí này đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại.

13	Phát hành sản phẩm	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Chỉ áp dụng tiêu chí này đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại. Phương thức phát hành: Phát hành sản phẩm trên mạng xã hội.
<p>Đơn vị được đặt hàng cung cấp các hồ sơ để đối chiếu (áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình) gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm; - Báo cáo kết quả thực hiện; - Biên bản nghiệm thu tất cả các sản phẩm đặt hàng; - Giấy xác nhận phát sóng các chương trình của Kênh chương trình. <p>Báo cáo kết quả thực hiện, Biên bản nghiệm thu có thể lựa chọn các mục từ 1 đến 13 theo từng trường hợp cụ thể để phù hợp yêu cầu.</p>				

2. Tiêu chí về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình

Được phân thành các tiêu chí thành phần đối với sản phẩm chương trình phát thanh; sản phẩm chương trình truyền hình; chương trình cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình, cụ thể:

a) Đối với sản phẩm chương trình phát thanh: Gồm 03 tiêu chí yêu cầu về chất lượng truyền dẫn phát sóng theo các phương thức FM, AM hoặc trên mạng Internet.

b) Đối với sản phẩm chương trình truyền hình: Gồm 08 tiêu chí, trong đó:

- 01 Tiêu chí yêu cầu về chất lượng tín hiệu chương trình truyền hình gồm yêu cầu về định dạng và độ phân giải khi hiển thị trên màn hình.

- 07 Tiêu chí yêu cầu về chất lượng truyền dẫn, phát sóng theo các phương thức khác nhau (Cáp: tương tự, số, IPTV; số mặt đất, số vệ tinh, di động, Internet).

c) Đối với cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình: Gồm 02 tiêu chí yêu cầu khi cung cấp qua dịch vụ IPTV hoặc OTT TV.

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định (Đạt/không đạt)	Ghi chú
I	Đối với sản phẩm chương trình phát thanh			
1	Được truyền dẫn, phát sóng trên máy phát FM	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6850-1:2001 Máy phát thanh sóng cực	- Căn cứ theo công bố của đơn vị, tổ chức có máy phát hoặc kết quả	- Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ

		ngắn (FM) - Phần 1: Thông số cơ bản.	<p>đo kiểm trong vòng 24 tháng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<p>định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện.
2	Được truyền dẫn, phát sóng trên máy phát AM	<p>Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6849-1:2001 Máy phát thanh điều biên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Thông số cơ bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ theo công bố của đơn vị, tổ chức có máy phát hoặc kết quả đo kiểm trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện.

3	Chất lượng tín hiệu âm thanh khi truyền dẫn phát thanh trên hạ tầng mạng Internet	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298 : 2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện.
II Đối với sản phẩm chương trình truyền hình				
1	Chất lượng tín hiệu truyền hình	<ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải hình ảnh PAL 768x576. - Đối với tín hiệu số (SDTV): Định dạng tín hiệu H.264/MPEG4, độ phân giải 576p. - Đối với tín hiệu số (HDTV): Định dạng tín hiệu H.264/MPEG4, độ phân giải 720p, 1080I, 1080p. 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ hiển thị chất lượng tín hiệu chương trình trên màn hình chuyên dụng của Đài hoặc đơn vị nhận đặt hàng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
2	Chất lượng truyền dẫn phát sóng			
2.1	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình số vệ tinh	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 79:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình số vệ tinh	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm 	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

		DVB-S và DVB-S2 tại điểm thu.	<p>được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
2.2.	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp tương tự	<p>Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 87:2020/BTTTT về tín hiệu truyền hình cáp tương tự tại điểm kết nối thuê bao.</p>	<p>- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.
2.3	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp IPTV	<p>Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 84:2014/BTTTT về chất lượng dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng.</p>	<p>- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

2.4	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp số	Theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 85:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình cáp số DVB-C tại điểm kết nối thuê bao hoặc QCVN 121:2020 về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp số ứng dụng công nghệ DVB-T2	<p>- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p> <p>- Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt.</p> <p>- Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt.</p>	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.
2.5	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình kỹ thuật số mặt đất	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 83:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 tại điểm thu.	<p>- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p> <p>- Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt.</p> <p>- Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt.</p>	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.
2.6	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng mạng viễn thông di động mặt đất IMT-2000	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11302:2016 về dịch vụ truyền hình Streaming trên mạng viễn thông di động mặt đất IMT- 2000- Yêu cầu chất lượng	<p>- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật.</p>	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

			<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	
2.7	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng mạng Internet	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298 : 2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. + Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện.
III	Cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình			
1	Trên dịch vụ truyền hình cáp IPTV	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 84:2014/BTTTT về chất lượng dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của Phòng đo được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định.

2	Trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet (OTT TV)	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298:2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định” có năng lực thực hiện.
---	--	---	--	--

3. Tiêu chí về lưu trữ sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình: Gồm 01 tiêu chí yêu cầu về quy cách lưu trữ sản phẩm

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
1	Quy cách lưu trữ sản phẩm	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Đạt. - Không đáp ứng yêu cầu, đánh giá: Không đạt. 	Phương thức lưu trữ sản phẩm đặt hàng để phục vụ công tác nghiệm thu.

Điều 5. Giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình

1. Việc giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Quy định này, hợp đồng ký kết (nếu có) và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cơ quan, đơn vị được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu chất lượng theo các tiêu chí tại Điều 4 của Quy định này, hợp đồng ký kết (nếu có) và các quy định pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị thực hiện cung cấp.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phụ trách.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung các tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình phù hợp với quy định pháp luật./.